TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Trần Thái Tông trước sự lựa chọn Đời và Đạo

ISSN: 2734-9195 21:00 01/07/2024

Trần Thái Tông không những là con người tiêu biểu sống có đạo đức, mà ông còn lan toả lối sống đạo đức của Phật giáo trong xã hội, nhằm định...

> **Trần Thái Tông không những là con người tiêu biểu sống có đạo đức, mà ông còn lan toả lối sống đạo đức của Phật giáo trong xã hội, nhằm định hướng cho việc tạo lập một xã hội tốt đẹp dựa trên nền tảng đạo đức của Phật giáo**

Tác giả: **TT.TS.Thích Lệ Quang** *Trưởng ban Ban Giáo dục Phật giáo quận Tân Bình, Tp.HCM*

TÓM TẮT: *Trong tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam, Trần Thái Tông được lịch sử ghi nhận là người sáng lập nên triều đại nhà Trần. Ông không những có tầm ảnh hưởng to lớn đối với xã hội phong kiến nhà Trần, mà ông còn là một trong những người góp phần xây dựng nên nền tảng của thiền học Phật giáo thời Trần.*

Tư tưởng của ông lấy đạo đức Phật giáo đặt lên hàng đầu, nhằm xây dựng một xã hội tốt đời, đẹp đạo, đảm bảo cho xã hội ổn định, phát triển và đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, sự khó khăn nhất trong cuộc đời của ông, đó là đứng trước sự lựa chọn giữa đời và đạo.

Bài viết tập trung trình bày: Thuận theo lòng thiên hạ làm vua; một tâm hồn hướng đạo của vị vua cư sĩ. Mục đích của bài viết nhằm nêu cao tinh thần tốt đời, đẹp đạo của Trần Thái Tông, một tâm nguyện cao cả muốn xây dựng một xã hội ổn định, đoàn kết, hoà hợp, gắn bó, trên tinh thần Phật giáo đồng hành cùng dân tộc.

Từ khoá: *Trần Thái Tông, đời và đạo, nhà Trần, cư sĩ, thuận theo lòng thiên hạ.*

Trong tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam, Trần Thái Tông (1218 – 1277) được lịch sử ghi nhận là người sáng lập nên triều đại nhà Trần. Ông không chỉ là một nhà chính trị tài ba, mà còn là một nhà tư tưởng lớn, nhà Phật học uyên thâm, một vị thiền sư lỗi lạc của Phật giáo thời Trần.

Do đó, với vai trò lãnh đạo của mình, ông muốn xây dựng xã hội Đại Việt ổn định, đoàn kết, phát triển, dựa trên nền tảng đạo đức của Phật giáo, nhằm xây dựng một xã hội tốt đời, đẹp đạo, đưa tinh thần của Phật giáo đi sâu vào lòng dân tộc. Vì vậy, có thể nói, ông không những có tầm ảnh hưởng to lớn đối với xã hội phong kiến triều đại nhà Trần, mà ông còn là một trong những thiền sư tiêu biểu, nhà tư tưởng lớn trong lịch sử phát triển Phật giáo thời Trần nói riêng, lịch sử phát triển Phật giáo Việt Nam nói chung.

Mặc dù vậy, sự khó khăn nhất trong cuộc đời của ông, đó là đứng trước sự lựa chọn giữa làm vua đứng trên thiên hạ và sự từ bỏ ngai vàng để dấu thân vào cuộc sống tu hành.

1. Thuận theo lòng thiên hạ làm vua

Trần Thái Tông (陳 太 宗) tức Trần Cảnh[1], người ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường. Ông sinh vào ngày 16 tháng 6 năm Mậu Dần, niên hiệu Kiến Gia thứ 8, thời Lý Huệ Tông, là con thứ của quan Nội thị phán thủ Trần Thừa và mẹ ông là Thuận Từ Hoàng hậu Lê thị.

Ông sinh ra và lớn lên vào thời kỳ nhà Lý từng bước rơi vào sự khủng hoảng, suy thoái, thể chế chính trị bị suy yếu, bộ máy cai trị đã bị lũng đoạn, sự quan liêu chuyên quyền, sự lũng đoạn bởi kẻ gian thần bao quanh nhà vua, làm cho triều đình ngày càng rối ren, kinh tế trì trệ. Từ đó, dẫn đến nền an ninh, chính trị, xã hội không ổn định, phản loạn nổi lên cát cứ khắp nơi, đất nước đang bị đe dọa bởi ngoại bang xâm lược và lòng dân bất an, ly tán.

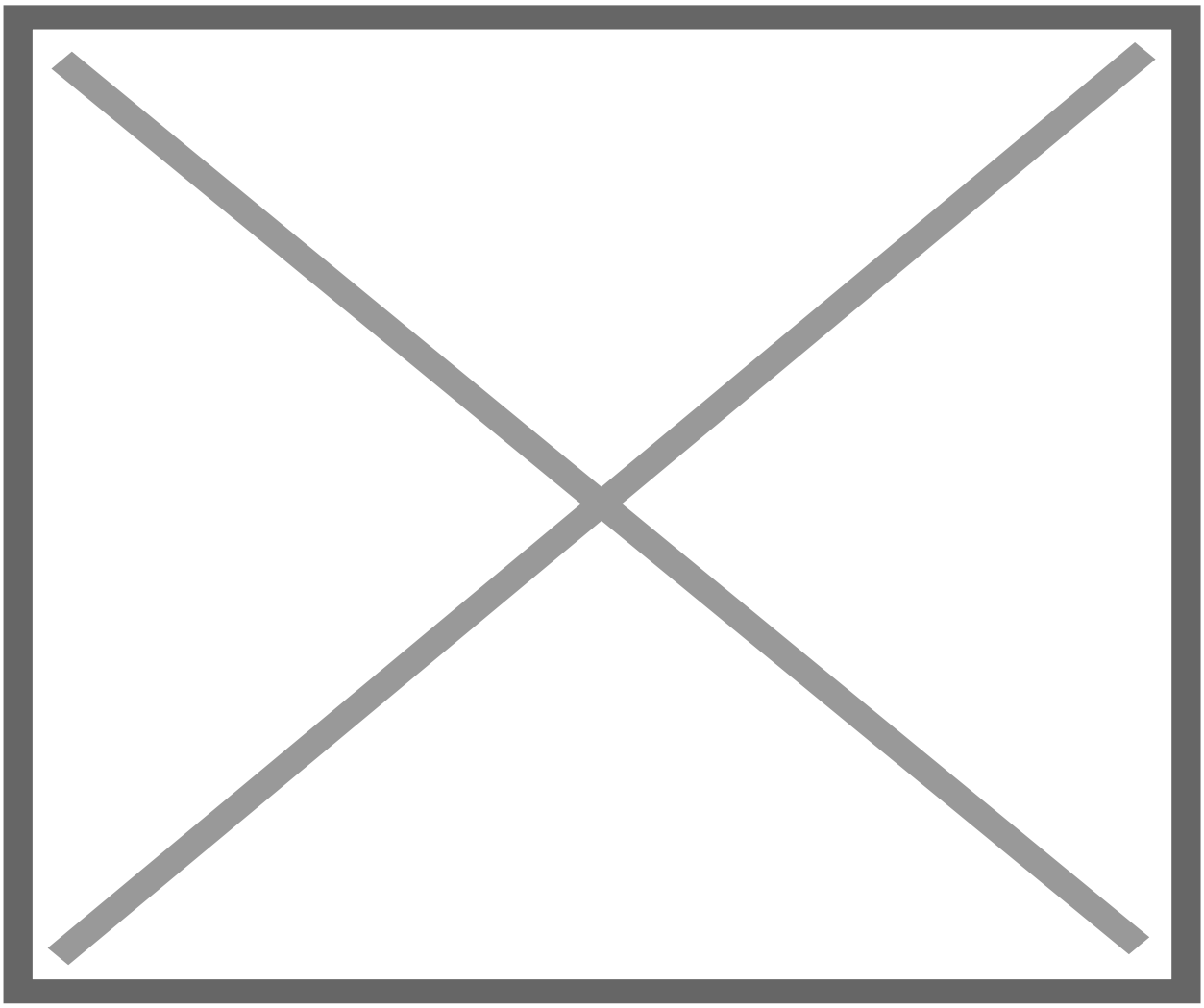
Do đó, tình hình đất nước vào cuối thời Lý cho thấy nhà Lý không còn đủ sức lực, trí tuệ và khả năng trị vị xã tắc, nguy cơ bị ngoại bang xâm lược là điều tất yếu xảy ra đối với Đại Việt. Đứng trước sự suy tàn của nhà Lý cũng như vận mệnh của dân tộc. Trần Thủ Độ - một vị quan Điện tiền chỉ huy sứ thời Lý Huệ Tông đã khôn khéo, dùng kế sách, thúc ép vua Lý Huệ Tông nhường ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng.

Lý Chiêu Hoàng lên ngôi vua không bao lâu thì nhường ngôi lại cho chồng là Trần Cảnh điều hành đất nước. Từ đó, quyền lực chính trị đã bắt đầu thay đổi từ nhà Lý sang nhà Trần. Trần Cảnh lên ngôi vua vào ngày 10 tháng 01 năm 1226, lúc chỉ mới tám tuổi, đánh dấu sự chấm dứt của triều đại nhà Lý (1009 – 1225)

suy vong, mở đầu triều đại nhà Trần kéo dài và tồn tại hơn 200 năm trong lịch sử triều đại phong kiến dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, đứng trước sự lựa chọn giữa cuộc sống thế tục, công danh, sự nghiệp, hạnh phúc gia đình, duy trì nòi giống và xuất gia học đạo, tu hành, sống cuộc đời thiếu thốn, buông bỏ sự xa hoa, ẩn cư nơi núi rừng...là một vấn đề không dễ chọn lựa trong suy nghĩ của mọi người.

[caption id="attachment_34563" align="aligncenter" width="756"]



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Ảnh: St[/caption]

Nhất là, đối với những người thành đạt, có địa vị xã hội, giàu có, những người sống trong "danh gia vọng tộc", những người đạt đến đỉnh cao của quyền lực trong xã hội, để từ bỏ tất cả dấn thân vào con đường xuất gia tu tập theo hạnh đức Phật là một điều rất khó khăn. Đặc biệt, là đối với Trần Thái Tông, một vị vua đầu đời Trần lên ngôi chưa bao lâu, với một tâm trạng bâng khuâng, lo lắng, nặng gánh trong lòng, đắn đo giữa cuộc đời và lối sống đạo. Trong Tựa thiền tông chỉ nam, Trần Thái Tông viết:

“Trên đã không có cha mẹ để tựa nương, dưới lại e chẳng xứng với lòng dân trông đợi, biết làm thế nào? Suy đi nghĩ lại, không gì hơn lui về chốn núi rừng tìm học đạo Phật, để hiểu rõ nghĩa lớn của việc sống chết, cùng đền đáp công ơn khó nhọc của mẹ cha thế chẳng tốt hơn sao?” [2].

Thật vậy, được làm vua là một ước mơ, một hoài bão đối với biết bao con người trên cuộc đời, không phải tất cả ai trong chúng ta muốn biến ước mơ đều thành sự thật. Mặc dù vậy, việc từ bỏ ngôi vị hoàng đế để đi ẩn cư, học đạo, tu hành lại là một vấn đề cực kỳ khó khăn trong suy nghĩ và hành động đối với những người đang nắm giữ quyền lực như Trần Thái Tông là một vấn đề có ý nghĩa hết sức sâu sắc.

Điều đó, còn có ý nghĩa to lớn, khi ông không chọn ẩn cư tu tập theo đạo Nho, đạo Lão, mà chọn con đường tu tập theo Phật giáo. Bởi vì, đối với ông, chỉ có đạo Phật mới thoả mãn được những ước nguyện của ông về “nghĩa lớn của việc sống chết”, “đền đáp được công ơn khó nhọc của mẹ cha”. Vì vậy, mà ông đã chọn Phật giáo là hướng đi đúng đắn trong cuộc đời của ông.

Thực tế, có nhiều người không hiểu gì về Phật giáo, mà lại bàn chuyện của Phật giáo, như người “mù sờ voi”, nói năng lung tung, nói tuỳ tiện, thiếu hiểu biết về Phật giáo trong cuộc sống. Nhìn thấy một vài “hiện tượng”, đôi khi không phù hợp với quan điểm của mình, thì lại vội vàng kết luận, phê phán Phật giáo với những luận điệu xuyên tạc, chống phá, mà không nhìn thấy giá trị, việc làm của Phật giáo đối với con người trong cuộc sống.

Song, đứng trước lợi ích quốc gia, dân tộc, lòng kính phục của thần dân, thiên hạ và lợi ích cá nhân lo cho bản thân, để ẩn cư tu tập, liệu rằng điều đó có đúng, phù hợp với tinh thần phục vụ chúng sinh của đạo Phật ? Cũng như Thái sư Trần Thủ Độ đã bộc bạch: “Như thần nghĩ, bệ hạ tính kế tự tu đã vậy, nhưng còn quốc gia xã tắc thì sao?Nếu chỉ để lời nói suông lại cho đời sau, sao bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ” [3].

Đứng trước quần thần, bá quan văn võ, tất cả đều tập trung lên núi, mọi người đều nhất mực thỉnh cầu vua trở về triều. Trần Thái Tông vô cùng phân vân trước quần thần bá quan, không biết làm sao để lựa chọn cho đúng; nếu thuận theo quần thần, bá quan thì trái với tâm tư nguyện vọng của chính mình, còn như thuận theo lòng mong muốn của chính mình ẩn cư tu tập, thì phụ lòng mong mỏi của thiên hạ? Sự phân vân đó dường như không có lời giải đáp thoả mãn trong lòng của ông.

Tuy nhiên, chính câu nói của Quốc sư Trúc Lâm: “Phàm đã là bậc nhân quân tất phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình; lấy tấm lòng của thiên hạ

làm tấm lòng của mình. Nay muôn dân đã muốn đón bệ hạ về thì bệ hạ không về sao được!” [4], đã khai mở cho Trần Thái Tông giác ngộ, hiểu rõ chân lý của cuộc sống nhân sinh.

Chúng ta sống không phải vì bản thân, vì lợi ích của cá nhân mà bỏ quên lợi ích của mọi người, lợi ích của quốc gia, xã tắc. Hơn nữa, với vai trò, địa vị là vua của một nước, thì không thể theo ý muốn của cá nhân, mà không màng đến ý muốn, những suy nghĩ của muôn dân đang mong đợi, không thể thờ ơ trước vận mệnh của xã tắc trong giai đoạn đất nước gặp nhiều khó khăn, thù trong giặc ngoài, kinh tế trì trệ chậm phát triển. Bậc minh quân phải sống vì dân vì nước, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của chính mình, không vì vụ lợi riêng tư, mà bỏ quần chúng nhân dân đói khổ.

Chính vì vậy, Trần Thái Tông đã theo quần thần xuống núi để làm trọn trách nhiệm của một bậc minh quân trong thiên hạ. Mặc dù vậy, vấn đề chúng ta cần suy nghĩ đó là lời khuyên của Quốc sư Trúc Lâm đối với Trần Thái Tông như một “chất xúc tác” thúc đẩy ông đi đến quyết định cuối cùng để làm tròn vai trò của một vị vua.

Câu chuyện ở đây không phải đến từ quyền lực, địa vị, danh lợi trong xã hội, có thể khiến cho Trần Thái Tông chuyển hướng, mà nó xuất phát từ yếu tố Phật giáo, đó là câu nói của thiền sư Trúc Lâm đã có sức ảnh hưởng to lớn đến suy nghĩ của Trần Thái Tông.

Sau khi trở về triều đình, Trần Thái Tông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một vị hoàng đế trong việc bảo vệ đất nước, xây dựng, phát triển nước Đại Việt từng bước lớn mạnh về các lĩnh vực chính trị - xã hội, kinh tế, văn hóa, giáo dục, quân sự, pháp luật, tôn giáo... đưa nước Đại Việt lên một tầm cao mới, một dân tộc độc lập, tự chủ và thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Tuy nhiên, ông vẫn không quên câu nói của Quốc sư: “Duy có việc nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng chút xao lãng mà thôi” [5].

2. Tâm hồn hướng đạo của vị vua cư sĩ

Từ bỏ ngôi vua để lên núi ẩn tu theo Phật giáo, là một sự khan hiếm đối với những người đạt đến đỉnh cao của quyền lực nhưng Trần Thái Tông. Mặc dù, đang ở ngôi hoàng đế, nhưng tâm hồn của ông vẫn ngày đêm hướng về đạo, chuyên tâm nghiên cứu giáo lý, tham vấn thiền học với các vị cao tăng để trao dồi kiến thức Phật học.

Ông viết: “Tuy một ngày trăm việc; cũng trộm lúc rảnh ranh. Chăm việc tiếc giờ; học càng tăng tiến. Một chữ đinh lo chưa biết đến; đêm canh hai còn gắng

tìm xem. Đã duyệt phần điển Khổng Khâu; lại xét sách kinh đạo Thích" [6].

Sau khi nhường ngôi vua cho con là Trần Thánh Tông, làm Thái thượng hoàng, ông dựng chùa Phổ Minh tại Thiên Trường (Nam Định) và am Thái Vi tại hành cung Vũ Lâm (Hoa Lư, Ninh Bình) để tu tập thiền, thoả mãn tâm nguyện của một vị vua cư sĩ hết lòng vì đạo Phật. Nhiều người cho rằng, ông là hiện thân của giới cư sĩ chân chính, đặc biệt là giới cư sĩ có địa vị xã hội, những người có quyền thế xã hội, nhưng tâm hồn, suy nghĩ, hành động của họ luôn luôn hướng về đạo Phật, một sự kiên định, bền vững đối với Phật giáo.

Điều đó, thể hiện qua hành động, phương pháp tu tập của ông, chứng minh rằng người cư sĩ, Phật tử tại gia có thể tu hành và đạt được những thành quả như kỳ vọng mong muốn, chứng được sự giác ngộ, giải thoát. "Phật không chia Nam Bắc, đều có thể tu mà tìm; tính người có trí ngu, cũng nhờ giác ngộ mà thành đạt" [7], thì có gì chúng ta phân biệt cư sĩ hay tu sĩ?

Trần Thái Tông chỉ ra cái thực tại ấy chính là đối tượng sống ngay cả trong tư tưởng và hành động. Phật tính thì bình đẳng, công bằng cho mọi người, không phân biệt cư sĩ hay tu sĩ đều có thể tự sửa chữa, tu luyện, giác ngộ.

Mặc dù, ông là vua của một nước, một cư sĩ tu tại gia, nhưng khi bước chân vào con đường tu theo đức Phật, ông luôn luôn giữ mình trong sạch, giữ gìn phẩm chất đạo đức như một vị tu sĩ, sống đời đơn giản, ăn uống đạm bạc, nghiêm trì trong tu tập thiền quán, mỗi ngày sám lạy sáu căn, tẩy trừ nghiệp chướng do sáu căn gây nên tạo nhiều nghiệp chướng.

Do đó, ông cho rằng mỗi chúng ta cần phải rửa sạch bụi trần bằng phương pháp sám hối thì ác nghiệp dần dần tiêu trừ, việc thiện ngày càng tăng trưởng. Trong bài Tựa lục thì sám hối khoa nghi, Trần Thái Tông viết: "Muốn rửa sạch tội nhơ trên thân trong dạ mà không dùng lễ sám hối thì khác nào muốn tiện lợi cho việc đi lại mà không dùng xe và thuyền" [8].

Tuy nhiên, sự hoàn hảo bộc lộ trong con người của ông đó là trình độ tu tập thiền quán đã đạt đến đỉnh điểm của thiền học và là nền tảng cốt lõi của sự ra đời thiền học thời Trần và thiền nhập thế mà sau này Trần Nhân Tông đã thành lập nên Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Một số quan điểm truyền thống cho rằng chỉ có tu sĩ với đầy đủ giới pháp mới có thể đạt đến đỉnh cao của sự giác ngộ; tuy nhiên, sự nhận thức đó không có cơ sở vững chắc đối với lộ trình tu tập thiền quán, đặc biệt là đối với Trần Thái Tông đã chứng minh ngược lại những quan điểm lỗi thời trong nhận thức của một số người. Trong Tọa thiền luận, Trần Thái Tông viết: "Người học đạo cốt

thấy được bản tính” [9].

Cho nên tu tập thiền theo ông không phân biệt cư sĩ hay tu sĩ, tại gia hay xuất gia, không phân biệt người sống ở thành thị, chợ búa hay sống ẩn cư núi rừng; tăng hay tục đều có thể hành thiền, sống thiền, cốt yếu là “biện tâm”, để đạt được kết quả cao nhất đó là thấy tính. Bởi vì, bản chất của thiền là: “Thiền cởi bỏ tất cả những gì ràng buộc chúng ta, những sinh linh hữu hạn, luôn luôn quằn quại dưới ách khổ lụy trong thế gian này” [10].

Chính vì vậy, Trần Thái Tông đã không chọn con đường xuất gia sau khi ông nhường ngôi báu cho con, mà chỉ làm người cư sĩ tu tập tại gia, sống cuộc sống ung dung, tự tại trong cuộc sống trần gian, ông không bị ràng buộc bởi tính hữu hạn của nó, vì ông đã nhận thức được giá trị của nội tâm, thấu triệt được Phật tại tâm mình, như lời dạy của Quốc sư Trúc Lâm:

“Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng. Lòng lặng lẽ mà hiểu, đó chính là chân Phật. Nay bệ hạ giác ngộ điều đó thì lập tức thành Phật, không cần khổ công tìm kiếm bên ngoài” [11].

Bởi lẽ, nếu tâm không thanh tịnh, lòng không trong sáng thì Phật tâm sẽ không hiện tiền, mọi lời nói, hành vi bên ngoài cũng sẽ không thanh tịnh, chỉ là giả dối, lừa người và lừa mình.

Mặt khác, Trần Thái Tông tích cực tham gia vào công tác hoằng pháp độ sinh, ông thường khuyên bảo mọi người thực hành việc thiện, tránh xa việc ác, lấy giới làm điểm tựa cho sự tu dưỡng đạo đức của chính mình.

Trong bài Ngũ giới luận, bàn về các giới, gồm: Văn răn sát sinh, Văn răn trộm cắp, Văn răn ham sắc, Văn răn nói càn và Văn răn uống rượu, ông khuyên con người nên giữ gìn năm giới cấm nhà Phật để giữ gìn thân tâm trong sạch, kiềm chế sự phát sinh từ thân, khẩu, ý, là chỗ phát sinh các điều ác, khiến cho con người đau khổ, đoạ lạc trong kiếp luân hồi sinh tử.

Song, ông không chỉ dừng lại ở chỗ khuyên người tu tập để lo cho chính mình, mà ông còn khuyên răn mọi người nên phát khởi từ tâm, yêu thương mọi người bằng những việc làm bố thí cho kẻ nghèo khó, giúp đỡ những người trong hoạn nạn, gặp cảnh khó khăn, tôn trọng phép nước, kính thờ cha mẹ, sống có đạo lý làm người... đây chính là những phẩm chất đạo đức thiết yếu trong cuộc sống, mọi người cần thực hiện để giữ gìn sự đúng đắn, giúp ích cho xã hội, tạo nên một sự đoàn kết nhau trong cuộc sống.

Những việc làm của ông nhằm hướng con người đến cái chân - thiện – mỹ trong cuộc sống; nhất là, ông muốn xây dựng xã hội Đại Việt dựa trên nền tảng đạo

đức của Phật giáo, vì ông nhận thức được rằng Phật giáo không những đáp ứng được yêu cầu về chính trị của xã hội đương thời, mà nó còn đáp ứng được nhu cầu về mặt tư tưởng, là đưa triết lý nhân sinh của Phật giáo trở thành nền tảng tư tưởng đạo đức cho toàn xã hội, làm chỗ dựa tinh thần cho nhân dân Đại Việt thời kỳ này;

Đồng thời ông còn thể hiện sự răn đe giới quý tộc, tôn thất lẫn giới bình dân cấm phạm vào các tội phương hại đến lợi ích quốc gia. Ông muốn điều hòa mâu thuẫn giai cấp trong xã hội; bên cạnh đó, là sự cân bằng giữa chủ nghĩa yêu nước với tinh thần nhập thế cao cả của Phật giáo, nhằm mục đích phụng sự chúng sinh và dân tộc.

Tuy nhiên, Thượng hoàng Trần Thái Tông qua đời ngày 01 tháng 04 âm lịch (5 tháng 5 dương lịch) năm 1277, tại điện Vạn Thọ (Thăng Long), hưởng thọ 60 tuổi. Vua và triều thần làm lễ an táng Trần Thái Tông tại Chiêu Lăng thuộc phủ Long Hưng (Tiến Đức, Hưng Hà, Thái Bình ngày nay). Ông được tôn miếu hiệu là Thái Tông太宗, thụy hiệu là Thống Thiên Ngự Cực Long Công Mậu Đức Hiển Hòa Hựu Thuận Thần Văn Thánh Vũ Nguyên Hiếu Hoàng đế (統天御極隆功茂德顯和佑順神文聖武元孝皇帝).

Hơn 30 năm ở cương vị lãnh đạo quốc gia, Trần Thái Tông đã chứng tỏ là một vị vua có nhân cách, đức độ, tài giỏi, bản lĩnh lớn trong việc trị nước, an dân; đồng thời ông là một trong những nhà Phật học nổi tiếng đương thời, một thiền sư đắc đạo trong giới thiền học thời Trần nói riêng, thiền học Việt Nam nói chung, ông đã để lại cho Phật giáo Việt Nam những tác phẩm quý giá như: Thiền tông chỉ nam, Kim cương Tam muội chú giải, Lục thì sám hối khoa nghi, Khoá hư lục, Bình đẳng lễ sám văn...

Tuy nhiên một số tác phẩm đã bị thất lạc, chỉ còn bài tựa Thiền tông chỉ nam, Khóa hư lục, cùng một số bài về tọa thiền luận, niệm Phật luận...góp phần làm phong phú, đa dạng, giàu thêm kho tàng văn hoá dân tộc nước nhà.

Tóm lại, Trần Thái Tông là một trong những nhà chính trị, nhà tư tưởng lớn, nhà Phật học uyên thâm của thời đại Lý – Trần. Khó khăn nhất trong cuộc đời của ông chính là sự lựa chọn làm vua thống trị thiên hạ hay làm một nhà sư ẩn tu trong núi rừng. Tuy nhiên, dù ở cương vị nào, ông cũng làm tròn trách nhiệm và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Là một vị vua, ông là người có đầy đủ bản lĩnh, sáng suốt, lèo lái con thuyền đất nước vượt qua mọi thách thức, khó khăn nhất trong thời điểm chuyển giao quyền lực và chống quân xâm lược nhà Nguyên, làm cho xã hội Đại Việt phát triển rực rỡ về nhiều mặt: Kinh tế, chính trị - xã hội, văn hóa, giáo dục, pháp

luật, quân sự, ngoại giao...mang đến sự ổn định xã hội, dân chúng được an cư lạc nghiệp.

Là một cư sĩ tu tập tại gia, ông chứng tỏ là một con người có trí tuệ uyên thâm về Phật học, một thiền sư cư sĩ đắc đạo, thể hiện một triết lý thiền hết sức đặc sắc trong dòng thiền thời Trần, đó là Thiền biện tâm. Một phương pháp tu thiền không phải xuất thế, xa lánh cuộc đời, suy tư, trầm tư mặc tưởng, mà đó là lấy tâm làm nòng cốt, hành thiền, sống thiền trong mọi lúc mọi nơi và áp dụng cho mọi thành phần trong xã hội.

Trần Thái Tông không những là con người tiêu biểu sống có đạo đức, mà ông còn lan toả lối sống đạo đức của Phật giáo trong xã hội, nhằm định hướng cho việc tạo lập một xã hội tốt đẹp dựa trên nền tảng đạo đức của Phật giáo, đem ánh sáng của đạo Phật thâm nhập vào cuộc sống con người, hướng con người đến nếp sống lành mạnh, khoan dung, từ bi, sống đoàn kết, yêu thương nhau, sống tốt đời, đẹp đạo, giúp ích cho xã hội, xây dựng và bảo vệ quốc gia, dân tộc.

Tác giả: **TT.TS.Thích Lệ Quang** *Trưởng ban Ban Giáo dục Phật giáo quận Tân Bình, TP.HCM*

***

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Đăng Thục, Thiền học Trần Thái Tông, NXB. Văn hóa thông tin, 1996.

2. PGS, TS. Doãn Chính, PGS, TS. Trương Văn Chung, Tư tưởng Việt Nam thời Lý - Trần, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.

3. Trần Thái Tông, Khoá Hư lục, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.

4. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thiền học đời Trần, ấn hành, 1992.

5. Viện Sử học, Đại Việt sử ký toàn thư, tập I, II. NXB. Văn hoá thông tin, 2004.

6. Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.

CHÚ THÍCH:

[1]. Đại Việt Sử Ký toàn thư, Kỷ nhà Trần (2004), tập I, Quyển V, NXB. Văn Hoá thông tin – Hà Nội, tr 434.

[2]. Viện Văn học (1988), Thơ văn Lý – Trần, tập 2, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.28.

[3]. Viện Văn học (1988), Thơ văn Lý – Trần, tập 2, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.29.

[4]. Viện Văn học (1988), Thơ văn Lý – Trần, tập 2, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.29.

[5]. Sđd, tr.29.

[6]. Sđd, tr.34.

[7]. Sđd, tr.27.

[8]. Sđd, tr.157.

[9]. Viện văn học: Thơ văn Lý- Trần (1988), tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 87.

[10]. Daisetz Teitaro Suzuki, Trúc Thiên (dịch), 1989, Thiền luận, http://thuvienhoa.org.

[11]. Viện văn học: Thơ văn Lý- Trần (1988), tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 28.